Số: 3804/KL-TTT
Thời gian ký: 2026-10-30T15:37:01+07:00

Biểu số 02

KINH PHÍ QUYẾT TOÁN TIỀN THƯỞNG THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 73/2024/NĐ-CP NGÀY 30/6/2024 CỦA CHÍNH PHỦ TẠI 3 ĐƠN VỊ

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 3804/KL-TTT ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Thanh tra tỉnh)

I. UBND PHƯỜNG MỸ TRÀ

Đơn vị tính: đồng.

STT	Tên đơn vị	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Dự toán tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP được giao năm 2025	Bổ sung có mục tiêu (QĐ 3454/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh)	Số đã chi 06 tháng cuối năm 2025	Dự toán còn lại	Tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp mục 6001 trên báo cáo quyết toán) 06 tháng cuối năm 2025	10% quỹ tiền lương 06 tháng cuối năm 2025	Chênh lệch so với 10% quỹ tiền lương
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*	*3*	*4 = 1 + 2-3*	*5*	*6= 5*10%*	7= 3-5
1	**Văn Phòng Đảng ủy**	18	351	95.262.000	19.628.000	114.879.000	11.000	997.296.768	99.729.677	15.149.323
2	**UBMT tổ quốc VN**	18	361	25.230.000	78.708.000	102.379.560	1.558.440	1.017.124.641	101.712.464	667.096
3	**Văn Phòng HĐND &UBND**	18	341	145.580.000	143.993.000	289.573.000	-	2.324.493.812	232.449.381	57.123.619
4	**Trung tâm Cung ứng dịch vụ công**	18	338	159.810.000	-	137.191.990	22.618.010	1.306.479.566	130.647.957	6.544.033
	Tổng cộng			**425.882.000**	**242.329.000**	**644.023.550**	**24.187.450**	**5.645.394.787**	**564.539.479**	**79.484.071**

II. UBND PHƯỜNG CAI LẬY

Đơn vị tính: đồng.

STT	Tên đơn vị	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Dự toán được giao	Quyết toán	Dự toán còn lại	Tổng quỹ tiền lương (không bao gồm phụ cấp)	10% Quỹ lương	Chi vượt 10% quỹ lương	Ghi chú
A	*B*	*C*	*D*	*1*	*2*	*3 = 1 - 2*	*4*	*5=10%*4*	*6=2-5*	
1	Trường Tiểu học Long Khánh	18	72	566.345.760	565.728.000	617.760	5.216.902.953	521.690.295	44.037.705	
2	Trường THCS Võ Việt Tân	18	73	507.256.230	506.532.000	724.230	4.815.566.379	481.556.638	24.975.362	
	Tổng cộng			**3.018.009.650**	**2.990.560.676**	**27.448.974**	**29.560.668.461**	**2.956.066.846**	**69.013.067**	

III. UBND XÃ HỘI CƯ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN TIỀN THƯỞNG THEO NGHỊ ĐỊNH 73/2024/NĐ-CP NĂM 2025

Đơn vị: đồng.

STT	Tên đơn vị	Dự toán được giao	Quyết toán	Dự toán còn lại	*Tổng quỹ tiền lương 2025 không bao gồm phụ cấp (chỉ lấy mục 6001 trên BC)*	10% quỹ lương			Chi vượt 10% quỹ lương	
			Năm 2025			Năm 2025	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng cuối năm 2025	06 tháng đầu năm 2025	06 tháng cuối năm 2025
A	*B*	*1*	*2*	*3=1-2*	*4*	5 = 10%*4			6 = 2 - 5	
1	TT Cung ứng dịch vụ công	20,597	20,597	0,000	**176,684**	**17,668**		17,668		2.928.000
2	TH Đoàn Thị Nghiệp	474,325	474,325	0,000	**4.709,177**	**470,918**				3.407.000
3	THCS Mỹ Hội	417,213	417,213	0,000	**4.117,731**	**411,773**				5.440.000
4	THCS Hậu Thành	346,567	344,204	2,363	**3.397,794**	**339,779**				4.425.000
	Tổng cộng	**1.258,702**	**1.256,339**	**2,363**	**12.401,386**	**1.240,139**		**17,668**	**0**	**16.200.000**